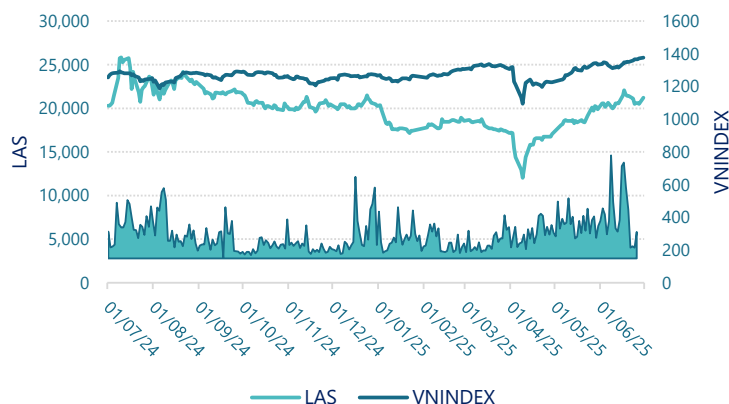


CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,829
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,026
SL cổ phiếu LH	112,856,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,350,335
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,393
P/E	13.8
EPS	1,531

DT thuần

Q2/25

1,082

tỷ VNĐ

QoQ: ▼504 | -31.8%

YoY: ▲477 | 78.8%

LN sau thuế

Q2/25

51.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.5 | -28.6%

YoY: ▼16.0 | -23.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.6%

+/- YoY: ▼7.7%

DT thuần

6T 2025

2,668

tỷ VNĐ

YoY: ▲619 | 30.2%

LN sau thuế

6T 2025

123

tỷ VNĐ

YoY: ▲3.00 | 2.7%

ROE

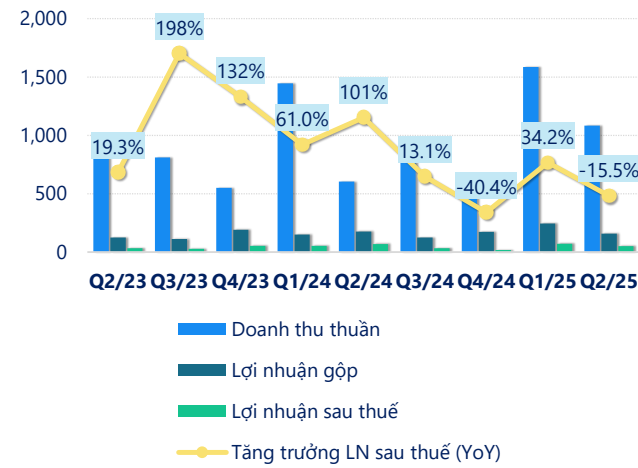
Q2/25

12.1%

+/- YoY: ▼2.6%

tỷ VNĐ

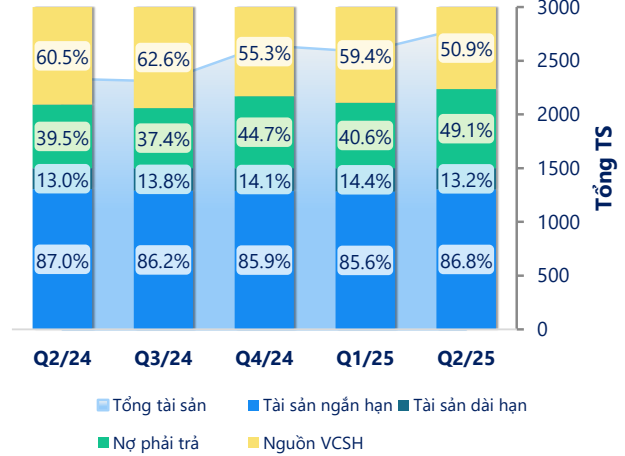
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

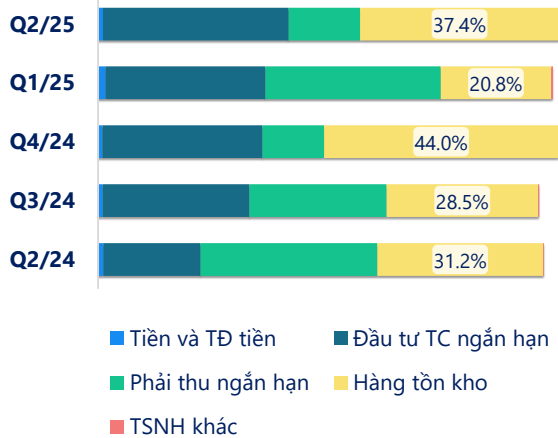
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



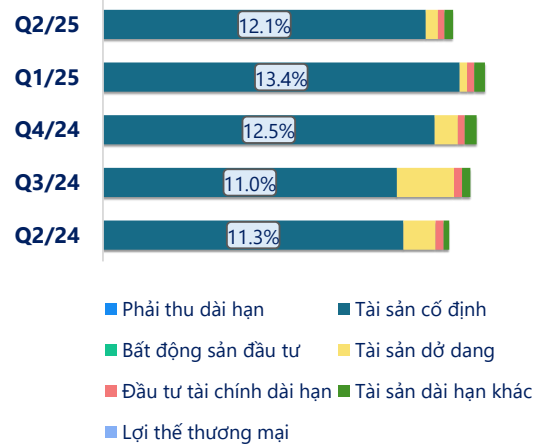
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

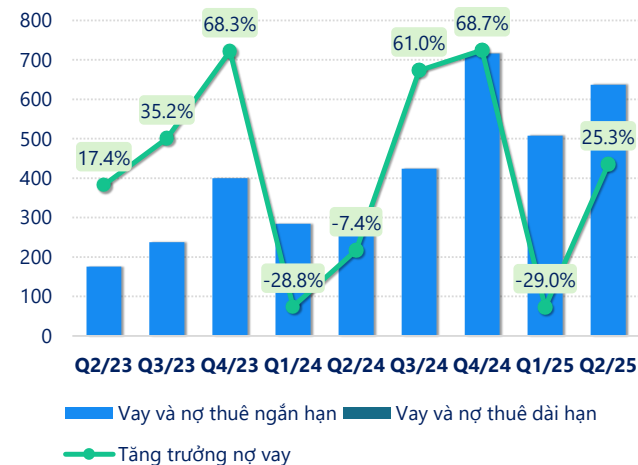
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

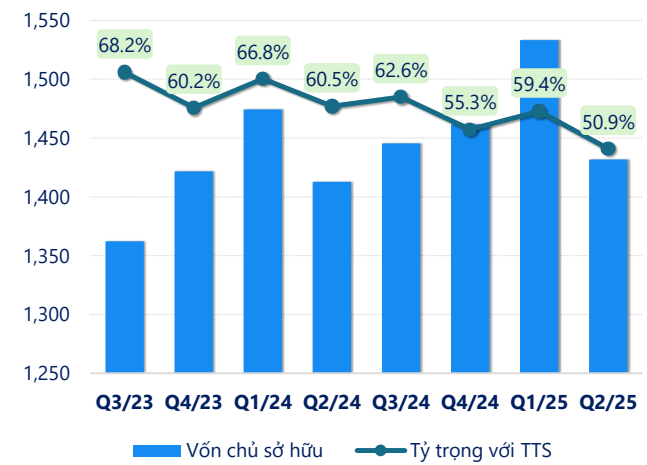
Nợ vay



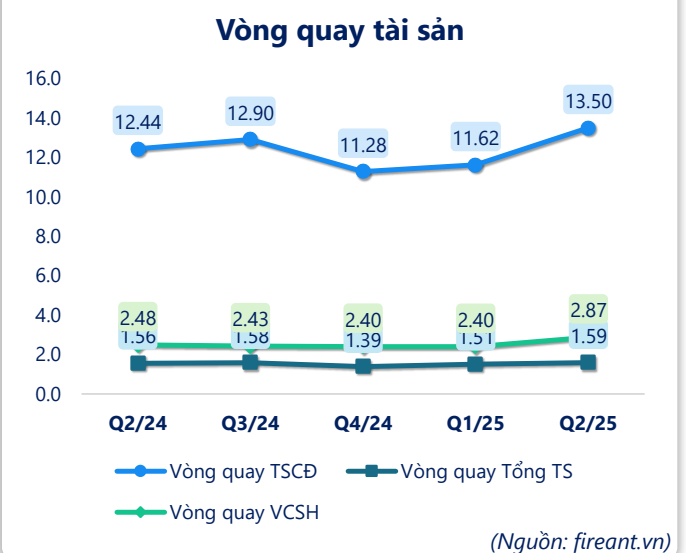
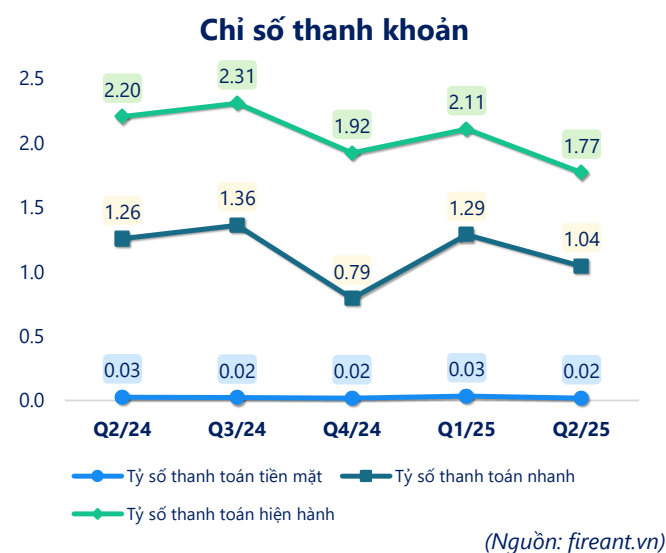
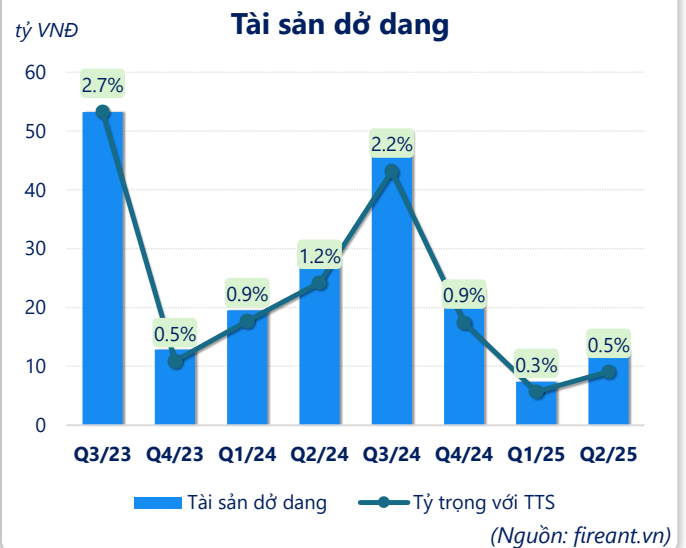
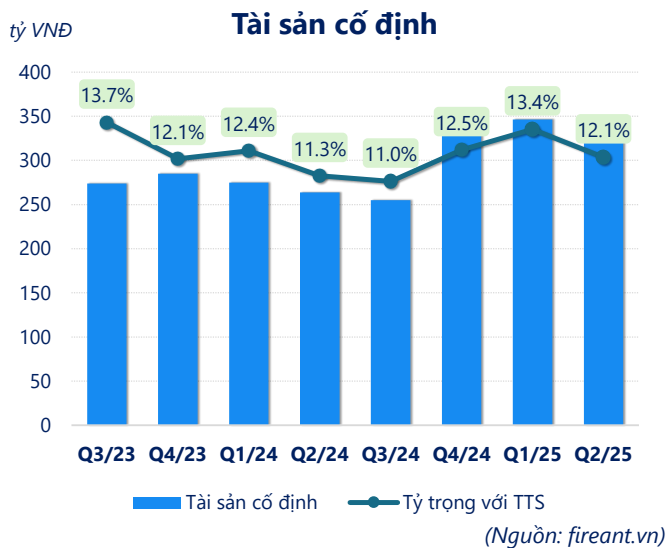
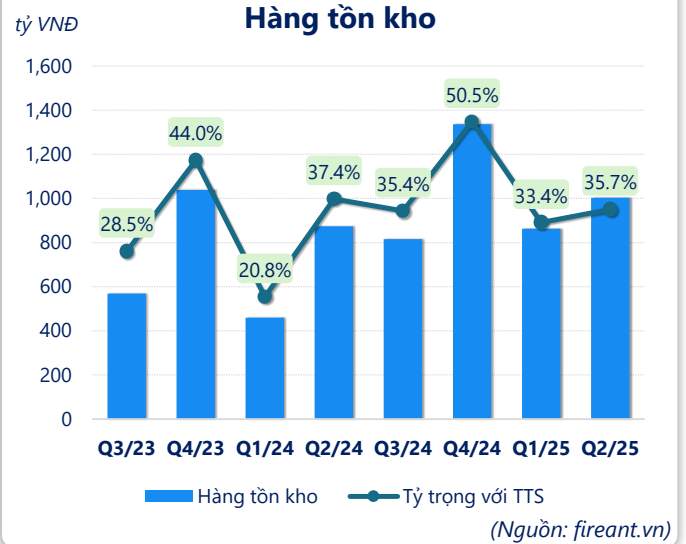
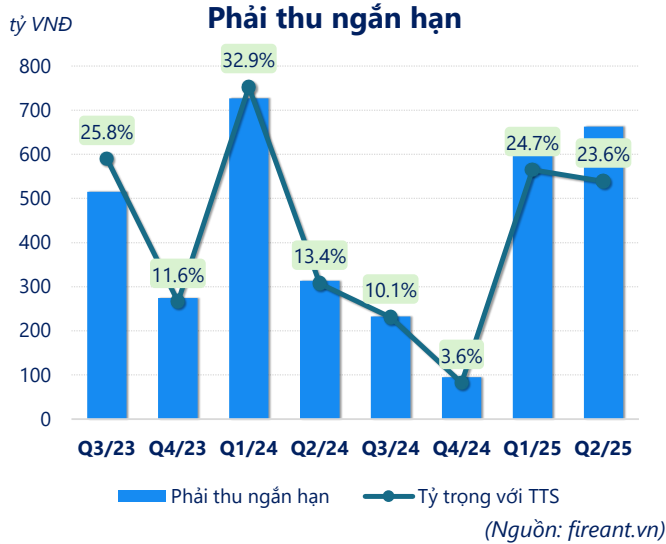
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,333	2,308	2,643	2,582	2,811
Tài sản ngắn hạn	2,030	1,989	2,271	2,211	2,441
Tiền và tương đương tiền	23.2	20.6	21.6	35.9	25.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	815	915	815	670	745
Phải thu ngắn hạn	314	233	95.2	638	663
Hàng tồn kho	874	816	1,336	862	1,003
Tài sản ngắn hạn khác	4.20	4.26	3.60	4.96	5.33
Tài sản dài hạn	304	319	371	371	370
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	264	255	330	346	341
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	28.3	49.8	23.1	7.37	12.8
Đầu tư tài chính dài hạn	6.84	6.84	6.84	6.84	6.84
Tài sản dài hạn khác	5.02	7.18	11.8	10.6	9.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	921	862	1,181	1,049	1,380
Nợ ngắn hạn	921	862	1,181	1,049	1,380
Vay và nợ thuê ngắn hạn	264	424	716	508	637
Phải trả người bán ngắn hạn	234	90.0	265	242	180
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,413	1,445	1,462	1,533	1,432
Vốn chủ sở hữu	1,413	1,445	1,462	1,533	1,432
Vốn điều lệ	1,129	1,129	1,129	1,129	1,129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)